

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số:19/2023/HSST
Ngày 21 tháng 02 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nữ Hương Huyền.

Các Hội thẩm Nhân dân: Bà Vũ Thị Kim Dung và bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Tuấn- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa: Ông P Anh Đức- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 171/2022/HS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023 ngày 09/02/2023 đối với bị cáo:

Phạm Thị N, sinh ngày 19/12/1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S và bà Trần Thị P; chồng: Nguyễn Thanh H (đã ly hôn); có 02 con (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 27/9/2022 đến nay (có mặt).

Người bị hại: Chị Trần Thị T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phạm Thị N và chị Trần Thị T là bạn bè ngoài xã hội với nhau và đang có nhu cầu góp vốn để mở cửa hàng kinh doanh quần áo trên địa bàn thành phố Vinh Yên. Khoảng 10 giờ ngày 02/10/2021, N gọi điện cho chị T bảo đến thành phố Vinh Yên đón N đi tìm địa điểm thuê mặt bằng kinh doanh. Khoảng 30 phút sau, chị T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i màu sơn trắng bạc đen, biển kiểm soát 88K1- 359.49 đến khu vực vòng xuyên nhà thi đấu tỉnh Vĩnh Phúc trên đường Hai Bà Trưng, phường Khai Quang, thành phố Vinh Yên để đón N rồi cùng đi ăn tại một quán ăn trên đường

Nguyễn Tất Thành, phường Khai Quang. Sau khi ăn xong, chị T giao xe cho N điều khiển. Khi đến số nhà 161, đường Nguyễn Viết Xuân, phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên thì chị T và N đều thấy tại địa chỉ trên của nhà bà Nguyễn Thị Hòa có treo biển cho thuê địa điểm kinh doanh nên N điều khiển xe mô tô đến sát vỉa hè để cho chị T xuống xe, còn N vẫn ngồi trên xe. Sau khi chị T xuống xe, N bảo với chị T “Cho chị mượn xe chị đi việc một lúc rồi chị quay lại” thì chị T đồng ý. N điều khiển xe mô tô đi thành phố Phúc Yên để giải quyết việc nợ nần với nam giới tên C nhưng không được C trả nợ nên đi xe quay về thành phố Vĩnh Yên. Sau khi quay trở lại thành phố Vĩnh Yên, do bản thân có nhiều khoản nợ ngoài xã hội, N nảy sinh ý định mang chiếc xe mô tô mượn của chị T đi cầm cố lấy tiền trả nợ. Do khi giao xe chị T không đưa chìa khóa xe mô tô (chìa khóa thông minh- smartkey) nên N đăng nhập vào mạng xã hội Facebook tìm thợ sửa khóa và được một nam giới N không biết rõ nhân thân, lai lịch, đặc điểm nhận thay ổ khóa xe với giá 1.200.000đ. Sau khi thay được ổ khóa, N mở cốp xe ra thấy bên trong có 01 túi giả da màu nâu nhãn hiệu Louis vuitton bên trong có 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng tiền Việt Nam), 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 88K1-359.49; 01 thẻ ngân hàng MB, 01 thẻ Ngân hàng Vietcombank đều mang tên Trần Thị T. Sau đó N điều khiển xe đi tìm địa điểm cầm cố xe nhưng không tìm thấy. Đến ngày 03/10/2021, N tiếp tục đi tìm địa điểm để bán hoặc cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 88K1- 359.49. Khoảng 15 giờ ngày 03/10/2021, khi N điều khiển xe đến một quán nước trên đường Nội Phất, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội thì gặp anh Nguyễn Ngọc P. Tại đây, qua trao đổi, anh P biết N có nhu cầu bán xe nên anh P hỏi N về nguồn gốc của chiếc xe trên thì N nói là do mua lại của chị T nhưng đã làm mất giấy tờ mua bán, N cho anh P xem 01 giấy đăng ký xe, 01 căn cước công dân đều mang tên Trần Thị T và 01 giấy hẹn lấy căn cước công dân của N thì anh P đồng ý và thỏa thuận mua xe mô tô trên với giá 45.000.000đ. Tuy nhiên, anh P yêu cầu N viết 01 giấy bán xe cho anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1991 ở xã X huyện S, thành phố Hà Nội do T là bạn của anh P, anh P biết anh T có nhu cầu mua xe SH125i cũ nên yêu cầu N viết giấy bán xe cho anh T để sau này anh P bán lại xe cho anh T thì không phải viết lại giấy bán xe, N đồng ý. Sau đó, N viết giấy bán xe và giao cho anh P 01 giấy đăng ký xe, 01 giấy bán xe rồi anh P trả cho N số tiền 45.000.000đ.

Sau khi N mượn xe nhưng không trả, chị T đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh Yên trình báo về hành vi chiếm đoạt tài sản của N. Ngày 08/10/2021 anh P được Công an thành phố Vĩnh Yên thông báo chiếc xe là vật chứng của vụ án nên anh P đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô cùng 01 giấy bán xe và 01 đăng ký xe mang tên Trần Thị T cho cơ quan điều tra.

Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Vĩnh Yên đã có Kết luận định giá số 191/KL-HĐĐG, kết luận giá của chiếc xe mô-tô nêu trên ở thời điểm hiện tại là 48.000.000đ (bốn mươi tám triệu đồng).

Ngày 05/11/2021, Công an thành phố Vĩnh Yên ra Quyết định khởi tố vụ án. Ngày 17/11/2021, Công an thành phố Vĩnh Yên ra Quyết định khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Phạm Thị N về tội “Lạm dụng tín

nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự nhưng N đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra không thực hiện được việc tổng đạt các Lệnh, Quyết định trên. Ngày 04/03/2022, Công an thành phố Vĩnh Yên ra Quyết định truy nã số 03 đối với Phạm Thị N đến ngày 27/09/2022 thì bắt được bị can theo Quyết định truy nã

Tại cơ quan điều tra, Phạm Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Ngày 29/09/2022, Công an thành phố Vĩnh Yên ra Quyết định số 490/QĐ-ĐTTH trung cầu Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định tài liệu là chữ ký, chữ viết trên 01 giấy bán xe đề ngày 03/10/2021 mang tên người bán Phạm Thị N (niêm phong ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết trên 01 bản tự khai/ bản tường trình đề ngày 27/09/2022 của Phạm Thị N (niêm phong ký hiệu M1) có phải do cùng một người viết ra hay không.

Tại Kết luận giám định số 3285 ngày 01/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Vĩnh Phúc, xác định: Chữ ký, chữ viết (trừ chữ ký và chữ viết có nội dung “Nguyễn Ngọc P” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết của Phạm Thị N trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người ký, viết ra.

Tại Cáo trạng số: 06/CT-VKSTPVY ngày 21/12/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã truy tố Phạm Thị N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa Phạm Thị N khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mặt tại phiên tòa và quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i; s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Phạm Thị N từ 12 đến 18 tháng tù.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội nêu trên của bị cáo Phạm Thị N tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 02/10/2021, tại khu vực đường Nguyễn Viết Xuân, phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Phạm Thị N mượn xe mô tô nhãn hiệu Hoda SH 125i biển kiểm soát 88K1- 359.49, phía bên trong cốp có 01 túi giả da màu nâu nhãn hiệu Louis Vuitton đã cũ, đã qua sử dụng bên trong ví có 1.500.000đ và các giấy tờ xe, giấy tờ cá nhân của chị Trần Thị T mục đích để đi giải quyết việc cá nhân. Sau đó N nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị T. Ngày 03/10/2021 N đem bán chiếc xe trên cho anh Nguyễn Ngọc P số tiền 45.000.000đ và đã tiêu sài hết cùng số tiền 1.500.000đ để trong cốp xe. Trị giá chiếc xe theo kết luận định giá là 48.000.000đ. Như vậy tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của chị N là 49.500.000đ

Hành vi phạm tội nêu trên của Phạm Thị N đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000đ đến dưới 50.000.000đ.....thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản....”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý. Sau khi thực hiện hành vi phạm bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho cơ quan điều tra. Do đó, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đó là: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn

năn hồi cải; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm i; s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến dưới 100.000.000đ. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Đối với những người có liên quan đến vụ án gồm:

- Đối với người phá khóa xe mô tô biển kiểm soát 88K1- 359.49, quá trình điều tra N khai nhận: Đây là một nam giới N không nhớ nhân thân, lai lịch, đặc điểm N thuê được trên mạng xã hội Facebook với giá 1.200.000đ. Sau khi chiếm đoạt được xe máy trên, trong quá trình bỏ trốn, N đã làm mất điện thoại đăng nhập tài khoản Facebook của bản thân, không có cách thức nào khác để đăng nhập lại tài khoản Facebook này. Ngoài lời khai của N không có căn cứ nào khác để xác định được nam giới trên là ai, do vậy cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, nếu làm rõ xử lý sau.

- Đối với nam giới tên C có nợ tiền của N, quá trình điều tra N khai nhận: Đây là bạn bè ngoài xã hội của N, không có nơi ở cố định, thường hay xuất hiện ở thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, N cho người này vay 20.000.000đ và C hẹn đến ngày 02/10/2021 sẽ trả nợ cho N tại thành phố Phúc Yên nhưng khi N đi đến thành phố Phúc Yên để tìm người này thì không đòi được nợ nên N quay về. Quá trình điều tra, không xác định được người nam giới tên C này là ai.

- Đối với anh Nguyễn Ngọc P là người trực tiếp trao đổi việc mua bán xe mô tô biển kiểm soát 88K1- 359.49 với Phạm Thị N. Quá trình điều tra, anh P và N đều khai nhận, khi đặt vấn đề bán xe thì N nói là xe của N mua lại của chị T và N có đưa ra 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy, 01 chứng minh thư nhân dân đều mang tên Trần Thị T, 01 giấy hẹn lấy căn cước công dân của N để anh P tin tưởng. Sau đó, N có viết giấy bán xe và giao giấy tờ xe cho anh P. Căn cứ vào lời khai của N, anh P và các tài liệu thu thập được, xác định anh P không biết xe mô tô trên là tài sản do N phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh P.

- Đối với anh Nguyễn Hoàng T là người đứng tên trong giấy mua xe mô tô biển kiểm soát 88K1- 359.49 nhưng trên thực tế toàn bộ việc giao dịch và tiền mua xe là của anh P. Sau khi mua xe của N, anh P vẫn quản lý chưa bán lại chiếc xe trên cho anh T. Anh T không biết chiếc xe là tài sản do N phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh T.

[6] Về vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i, biển kiểm soát 88K1- 359.49; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy đứng tên Trần Thị T, quá trình điều tra xác định là xe mô tô và giấy tờ xe của chị Trần Thị T. Ngày 19/12/2021, Cơ quan điều tra trả lại cho chị T xe mô tô và giấy tờ trên. Chị T sau khi nhận lại tài sản, giấy tờ đã đem xe mô tô trên đi kiểm tra tại cửa hàng

sửa chữa xe máy. Qua kiểm tra phát hiện ổ khóa điện của xe đã bị thay bằng ổ khóa khác tuy nhiên không làm hư hỏng, không làm ảnh hưởng đến thẩm mỹ hay chức năng của xe nên chị T không có đề nghị gì.

- Đối với 01 túi giả da màu nâu nhãn hiệu Louis Vuitton đã cũ, đã qua sử dụng, 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ Ngân hàng MB, 01 thẻ Ngân hàng Vietcombank đều mang tên Trần Thị T và số tiền 1.500.000đ. Quá trình điều tra xác định, đây đều là tài sản của chị T bị N chiếm đoạt. Sau khi bán xe mô tô, N đưa cho anh P giấy tờ đăng ký xe, còn 01 chứng minh nhân dân, 01 túi giả da màu nâu nhãn hiệu Louis Vuitton và các loại giấy tờ khác của chị T, do thay đổi địa điểm nơi ở liên tục trong quá trình bỏ trốn, N đã làm mất. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thu giữ được những đồ vật trên. Đối với số tiền 1.500.000đ, N đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi bị N chiếm đoạt tài sản, chị T đã làm lại các giấy tờ trên, không có yêu cầu gì về dân sự đối với 01 túi giả da màu nâu nhãn hiệu Louis Vuitton đã cũ, không còn giá trị sử dụng và các giấy tờ cá nhân.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 1.500.000đ để trong cốp xe của chị T, N đã tiêu xài hết nhưng chị T không yêu cầu N phải trả lại số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 45.000.000đ N bán xe mô tô biển kiểm soát 88K1- 359.49 cho anh Nguyễn Ngọc P mà có. Anh P đã giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan điều tra và yêu cầu N phải trả lại số tiền 45.000.000đ. Đến nay, N chưa bồi thường được số tiền trên cho anh P nhưng anh P không đề nghị Tòa án giải quyết mà để hai gia đình thỏa thuận với nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí Hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Phạm Thị N 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 27/9/2022).

3. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Thị N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát thành phố Vĩnh Yên;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Yên;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Nữ Hương Huyền

